TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-PT
Ngày 22 - 12 - 2023
"Ly hôn, tranh chấp tài sản
khi ly hôn"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2023/TLPT - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 62/2023/HNGĐ - ST, ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2023/QĐ - PT ngày 06 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Hoàng G, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi cư trú: Số B, đường số A, Khu dân cư E, khu V, phường G, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị N, sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp G, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Võ Thị C, sinh năm: 1958 (có mặt).

Nơi cư trú: Số B, đường số A, Khu dân cư E, khu V, phường G, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Võ Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Đặng Hoàng G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Thị N kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường G1, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông G không còn tình cảm với bà N nên không thể sống chung được nữa. Nay ông G yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị N.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông G thừa nhận khi tổ chức đám cưới hai bên gia đình có cho vàng nhưng ông không nhớ số lượng bao nhiêu và vàng loại gì. Trong thời gian sống chung ông có bán 01 sợi dây chuyền vàng do bà C cho trong ngày cưới để chi xài và trả nợ do làm ăn thua lỗ. Toàn bộ số vàng còn lại do bà N giữ, thời gian sau do làm ăn thua lỗ nên ông G và bà N thống nhất bán hết số vàng còn lại để trả nợ. Bà N có nhờ bà C đi bán vàng dùm, ông G không biết chính xác bao nhiêu vàng và loại gì, chỉ nghe bà C nói là 01 chiếc lắc 03 chỉ vàng 24K; 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền là 3,5 chỉ vàng 18K. Bán được số tiền 23.000.000 đồng bà C đưa hết cho ông G, ông G đã sử dụng số tiền này đi trả nợ rồi sau đó có nói cho bà N biết nhưng bà N không có ý kiến gì.

Nay bà N yêu cầu bà C trả lại cho bà N 07 chỉ vàng 24K là không hợp lý. Vì số tiền ông G đã sử dụng, bà C không có sử dụng, ông G đồng ý trả lại cho bà N 3,5 chỉ vàng 24K vì ông G không có khả năng trả đủ 07 chỉ vàng theo như yêu cầu của bà N. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông G không đồng ý trả lại cho bà N 3,5 chỉ vàng 24K vì số vàng này vợ chồng đã bán trả nợ hết, hiện tại không còn.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị N trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông G về quan hệ hôn nhân cũng như con chung và nợ chung. Trong cuộc sống hôn nhân ông bà không còn thấy hạnh phúc

nên không thể duy trì cuộc sống hôn nhân. Nay ông G yêu cầu ly hôn thì bà N cũng đồng ý.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung. Tuy nhiên, khi tổ chức đám cưới bà N được mẹ chồng là bà Võ Thị C cho 01 đôi bông tại 04 phân 02 ly vàng 18K; 01 sợi dây chuyền vàng 1,5 chỉ 18K; 01 chiếc nhẫn cưới 04 phân vàng 18K; Ngoài ra, trong ngày cưới mẹ ruột bà N là bà Nguyễn Cẩm T có cho riêng bà làm của hồi môn 07 chỉ vàng 24K bao gồm 01 chiếc lắc 03 chỉ; 1 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền là 3,5 chỉ; 01 chiếc nhẫn 5 phân. Trong thời gian sống chung ông G đã bán 01 sợi dây chuyền vàng 1,5 chỉ loại vàng 18K được 4.000.000 đồng và sử dụng hết số tiền này. Toàn bộ số vàng bà Nguyễn Cẩm T cho, bà N gửi cho bà C giữ hết. Đến tháng 9/2020, bà C hỏi ý kiến bà N về việc bán vàng để hùn với bà C mua đất thì bà N đồng ý nên bà C đã bán toàn bộ 7 chỉ vàng 24K bao gồm 01 chiếc lắc 03 chỉ; 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền là 3,5 chỉ; 01 chiếc nhẫn 05 phân. Bà C bán được bao nhiêu tiền thì bà N không biết, bà N cũng không hỏi đến. Bà C sử dụng số tiền bán vàng của bà N mua đất nhưng không cho bà N sử dụng đất, cũng không cho bà N được đứng tên quyền sử dụng đất. Hiện nay bà N chỉ còn giữ 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn cưới.

Nay chị N yêu cầu bà Võ Thị C trả lại cho chị 07 chỉ vàng 24K vì đây là tài sản riêng của bà N, đôi bông tai cũng là tài sản riêng của bà N nên bà N không yêu cầu chia. Đối với chiếc nhẫn cưới 04 phân vàng 18K nếu ông G có yêu cầu lấy lại thì bà N đồng ý trả.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C trình bày:

Bà C là mẹ ruột của ông G, trong thời gian ông G và bà Võ Thị N sống chung, bà có bán dùm bà N số vàng là 6,5 chỉ vàng bao gồm: 01 chiếc lắc 03 chỉ vàng 24K; 01 dây chuyền và mặt dây chuyền là 3,5 chỉ vàng 18K với số tiền là 23.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền này bà C đã đưa cho ông G và có báo cho bà N biết nhưng bà N không có ý kiến gì.

Nay bà N yêu cầu bà C trả lại 07 chỉ vàng 24K thì bà Chân k đồng ý vì bà chỉ đi bán dùm bà N, chứ không sử dụng số tiền này.

Tại Bản án sơ thẩm số 62/2023/HNGĐ-ST, ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đặng Hoàng G và bà Võ Thị N.

Về con chung: Ông G và bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: ông Đặng Hoàng G được sở hữu 01 chiếc nhẫn cưới 04 phân vàng 18K và 3,5 chỉ vàng 24K (loại 98%). Buộc bà N giao lại cho anh G 01 chiếc nhẫn cưới 04 phân vàng 18K.

Bà Võ Thị N được sở hữu 01 đôi bông 04 phân 02 ly vàng 18 K và 3,5 chỉ vàng 24K (loại 98%). Buộc ông G giao lại cho bà N 3,5 chỉ vàng 24K (loại 98%).

Về nợ chung: Ông G và bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023 bị đơn bà Võ Thị N có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 62/2023/HNGĐ-ST, ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận 07 chỉ vàng 24k là tài sản riêng của bà và buộc bà Võ Thị C phải trả lại cho bà 0 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn ông Đặng Hoàng G khởi kiện bị đơn bà Võ Thị N yêu cầu ly hôn, bị đơn có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản khi ly hôn. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Võ Thị N có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung

Bị đơn bà Võ Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận 07 chỉ vàng 24k là tài sản riêng của bà và buộc bà Võ Thị C phải trả lại cho bà 0 chỉ vàng 24k. Xét về nguồn gốc, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất tài sản tranh chấp có được khi ông G và bà N tổ chức đám cưới thì được hai bên gia đình tặng cho. Bị đơn cho rằng, 07 chỉ vàng 24K (loại 98%) là tài sản bà được mẹ ruột là bà Nguyễn Cẩm T tặng cho riêng làm của hồi môn nên đây là tài sản riêng chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng. Lời trình bày trên của bị đơn bà Võ Thị N là có cơ sở. Bởi lẽ, số vàng 07 chỉ vàng 24k (loại 98%) của bị đơn là tài sản được hình thành trước khi bị đơn kết hôn với nguyên đơn, là của hồi môn, mẹ cho con gái trước khi về nhà chồng, là tài sản riêng. Tòa án cấp sơ thẩm, xác định số vàng 07 chỉ vàng 24k (loại 98%) được cho trong ngày cưới của nguyên đơn và bị đơn, là tài sản chung của vợ chồng là không có cơ sở, không đúng với thực tế.

Tại phiên tòa các đương sự bà Võ Thị C và ông Đặng Hoàng G xác định bà C đã bán hết số vàng và đưa cho anh G giữ nhưng anh đã dùng số tiền này để trả nợ hiện không còn nên không đồng ý trả lại số vàng 07 chỉ vàng 24k (loại 98%) theo yêu cầu của bà Võ Thị N. Ông G thừa nhận đã sử dụng số tiền bán vàng nên ông có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà N số vàng 07 chỉ vàng 24k (loại 98%).

[3] Về phần tài sản chung:

Xét thấy, nguyên đơn ông Đặng Hoàng G khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng không yêu cầu chia tài sản chung, bị đơn bà Võ Thị N có đơn phản tố nhưng không yêu cầu chia tài sản chung là 01 chiếc nhẫn cưới 04 phân vàng 18K, 01 đôi bông 04 phân 02 ly vàng 18K. Lời trình bày của bị đơn cho rằng đối với chiếc nhẫn cưới 04 phân vàng 18K nếu ông G có yêu cầu lấy lại thì bà N đồng ý trả chỉ

là ý kiến của đương sự, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông Đặng Hoàng G được sở hữu 01 chiếc nhẫn cưới 04 phân vàng 18K và buộc bà N giao lại cho ông G 01 chiếc nhẫn cưới 04 phân vàng 18K, bà Võ Thị N được sở hữu 01 đôi bông 04 phân 02 ly vàng 18K là vượt quá phạm vi khởi kiện và phản tố của các đương sự nên đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị N. Sửa Bản án số 62/2023/HNGĐ-ST, ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[5] Về án phí

Án phí sơ thẩm

Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Phản tố của bị đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tuy nhiên, trong trường hợp này do giữa nguyên đơn và bị đơn thuận tình ly hôn nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm áp dụng giải đáp một số vương mắc trong xét xử số 02/TANDTC-PC ngày 02 tháng 8 năm 2021 để xác định án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chỉ 150.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn, bị đơn không ai phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị, kháng cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị N.

Sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Hoàng G và chị Võ Thị N.

[2] Về con chung: Ông Đặng Hoàng G và bà Võ Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông Đặng Hoàng G và bà Võ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông Đặng Hoàng G và bà Võ Thị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản riêng: Buộc ông Đặng Hoàng G có nghĩa vụ trả lại cho bà Võ Thị N số vàng 07 (bảy) chỉ vàng 24k (loại 98%).

[6] Về án phí:

6.1 Về án phí sơ thẩm

6.1.1 Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Buộc nguyên đơn ông Đặng Hoàng G phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006619 ngày 02/11/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Ông Đặng Hoàng G được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

6.1.2 Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đặng Hoàng G phải chịu 1.921.500 đồng (một triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6.2 Về án phí phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Bị đơn bà Võ Thị N được nhận lại 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0007050 ngày 02/8/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 62/2023/HNGĐ – ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị, kháng cáo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 22/12/2023).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Phượng